TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LẠC** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 43/2019/HS-ST
Ngày 07/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Lầu

Ông Nông Văn Nghiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Hoàng Văn P**, sinh ngày 22/7/1990

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã P, huyện B, tỉnh H;

Nơi tạm trú: Tổ dân phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh C;

Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Hoàng Văn S, sinh năm 1953 (Đã chết) và bà Triệu Thị S1, sinh năm 1953; Vợ Hoàng Thị B, sinh năm 1990 và có 02 (Hai) con cả sinh năm 2018, con út sinh ngày 26/10/2019;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 27/8/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh H xử phạt 03 (Ba) năm tù về tội Lưu hành tiền giả (Đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, sau đó là tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh C từ ngày 12/6/2019 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Bị cáo **Nguyễn Văn Q**, sinh ngày 25/8/1977

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã K, huyện V, tỉnh V;

Nơi tạm trú: Xóm N, xã L, huyện B1, tỉnh C;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1937 và bà Nguyễn Thị S2, sinh năm 1938; Vợ Hoàng Thị Ph sinh năm 1983; Có 02 (Hai) con, con cả sinh năm 2004, con út sinh năm 2009;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, sau đó là tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh C từ ngày 12/6/2019 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

** Người có quyền lợi liên quan:*

- Bà Hoàng Thị Ph, sinh ngày 18/6/1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã K, huyện V, tỉnh V; Nơi tạm trú: xóm N, xã L, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

- Bà Hoàng Thị B, sinh ngày 22/11/1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm T, xã K, huyện B, tỉnh C; Nơi tạm trú: Tổ dân phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

** Người làm chứng:*

- Ông Lý Văn B1, sinh năm 1979; Nơi cư trú: xóm B, xã H, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do);

- Ông Lãnh Văn T, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Trương Thế C, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do);

- Ông Lục Minh Tr, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Tổ dân phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do);

- Ông Nông Văn U, sinh năm 1975; Nơi cư trú: xóm N, xã L, huyện BL, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do);

- Ông Nông Văn Th, sinh năm 1990; Nơi cư trú: xóm NK, xã L, huyện BL, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do);

- Ông Tô Văn T1, sinh năm 1971; Nơi cư trú: xóm P, xã L, huyện BL, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Căn cứ vào lời khai của Nông Lý Q1 sinh năm 1990, trú tại: xóm N, xã H, huyện B, tỉnh C bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B bắt và khởi tố về hành vi mua bán trái phép chất ma túy khai nhận: Ngoài số ma túy bị thu giữ ngày 23/5/2019, Q1 còn được mua ma túy với một người đàn ông tên P thuê nhà để kinh doanh quán cơm tại cổng bệnh viện đa khoa huyện B. Qua xác minh họ tên đầy đủ là Hoàng Văn P, sinh năm 1990, có biểu hiện mua bán trái phép chất ma túy tại nơi ở. Ngày l2/6/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra

lệnh khám xét nơi ở của Hoàng Văn P tại tổ dân phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh C. Qua khám xét phát hiện 01 (Một) bao thuốc lá ngựa dưới bậc cầu thang trong nhà ở của P, bên trong bao thuốc lá có 02 (Hai) gói giấy ni lông màu trắng, bên trong gói giấy đều có chứa cục chất bột màu trắng nghi heroine, cạnh bao thuốc ngựa phát hiện một ống cuộn tròn bằng vỏ hộp sữa (nghi dụng cụ sử dung ma túy); Kiểm tra trên người phát hiện 3.150.000 đồng (Ba triệu một trăm năm mươi mươi nghìn đồng), 02 (Hai) điện thoại di động; Kiểm tra cốp xe máy Honda, loại Wave màu đen chưa có biển kiểm soát phát hiện 01 (Một) cân điện tử màu đen cũ, đã qua sử dụng bên ngoài có chữ POCKTSCALE và 01 (Một) giấy hợp đồng bán xe máy mang tên Phón Láo T2. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lập biên bản thu giữ theo đúng quy định của pháp luật. Phương khai nhận số chất bột màu trắng là heroine do Phương mua với một người đàn ông tên S3 ở chợ xã L, huyện BL, tỉnh C làm nghề bán kem từ ngày 07/6/2019 với số tiền 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) mục đích là để sử dụng và bán kiếm lời.

Ngày 11/6/2019 P bán ma túy cho một người đàn ông tên S4, người ở thành phố C làm nghề lái xe tải 01 (Một) gói nhỏ với số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), bán cho một người tên D ở BĐ, huyện BL, tỉnh C 01 (Một) gói nhỏ với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và bán cho một số người khác không nhớ tên.

Từ lời khai của Hoàng Văn P, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiến hành xác minh nhanh tại chợ L, huyện BL không có người đàn ông nào tên S3 làm nghề bán kem. Qua rà soát tại ngã ba chợ NP, xã L có một người tên Nguyễn Văn Q, sinh năm 1977 làm nghề bán kem đang có biểu hiện mua bán trái phép chất ma túy. Do đó, xác định S3 chính là Q. Hồi 18 giờ 30 phút ngày 12/6/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B thi hành lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn Q. Quá trình khám xét phát hiện 01 (Một) gói ni lông màu trắng bên cạnh hộp ổn áp li-oa trong khu vực làm kem, bên trong gói ni lông màu trắng có l1 (Mười một) gói giấy nhỏ, bên trong các gói giấy đều có chứa chất bột màu trắng nghi heroine. Tiếp tục kiểm tra khu vực làm kem phát hiện 01 (Một) đôi giày vải bên trong chiếc giày vải bên phải phát hiện 01 (Một) gói ni lông màu xanh, bên trong có chứa 01 (Một) cục chất bột màu trắng nghi heroine; Kiểm tra chiếc giày bên trái phát hiện 03 (Ba) gói giấy nhỏ, bên trong các gói giấy đều có chứa chất bột màu trắng nghi heroine; Phát hiện 6.200.000 đồng (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng) tại chân giường; Kiểm tra người Quyết phát hiện 2.665.000 đồng (Hai triệu sáu trăm sáu mươi năm nghìn đồng), 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA cũ đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lập biên bản thu giữ theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, Phương còn khai nhận, ngoài lần mua ma túy với S3, P còn được mua ma túy với một người đàn ông tên T3, nhà ở xã T, huyện B, tỉnh C 01 (Một) lần 01 (Một) gói với số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), P sử dụng một phần sau đó bán lại cho C1.

Q khai nhận toàn bộ số chất bột màu trắng mà cơ quan điều tra thu giữ là Heroine, Q mua vào ngày 12/6/2019 với một người đàn ông khoảng 30 tuổi tên

là H, người ở VP còn họ và địa chỉ cụ thể Q không biết với số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) được 02 (Hai) chỉ. Mục đích Q mua về để sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời.

Ngày 12/6/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh C tiến hành mở niêm phong và cân xác định khối lượng tang vật thu giữ của Hoàng Văn P, qua cân điện tử số tang vật thu giữ của Hoàng Văn P có tổng khối lượng là 13,72g (Mười ba phẩy bảy hai gam).

Ngày 13/6/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh C tiến hành mở niêm phong và cân xác định khối lượng tang vật thu giữ của Nguyễn Văn Q, qua cân điện tử số tang vật thu giữ của Nguyễn Văn Q có tổng khối lượng là 6,83g (Sáu phẩy tám ba gam).

Ngày 14/6/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh C ra quyết định trưng cầu giám định về chất ma túy gửi Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) - Công an tỉnh C trưng cầu giám định chất bột màu trắng. Tại bản kết luận giám định số: 172/GĐMT ngày 24/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh C kết luận: Mẫu chất bột màu trắng bên trong 02 (Hai) phong bì niêm phong gửi giám định đều là ma túy, loại ma túy: heroine; Không hoàn lại mẫu vật gửi giám định.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo như bản cáo trạng đã nêu; Do lệ thuộc vào ma túy nên các bị cáo đã mua ma túy để sử dụng, bán lại cho nhiều người khác nhiều lần để kiếm lời và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B bắt quả tang, thu giữ heroine.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Ph trình bày: Bà là vợ của bị cáo Nguyễn Văn Q. Bà không biết Q mua bán trái phép chất ma túy. Xe máy biển kiểm soát 88S4-6097 là xe máy của vợ chồng bà mua lại với ông Hoàng Văn P, trú tại: Thôn H, xã K, huyện V, tỉnh V với số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Xe máy là tài sản chung của vợ chồng do cả hai cùng tích cóp có tiền để mua xe. Trước khi đi về quê chồng bà có tự lấy tiền trong túi áo của bà và bà có để lại cho chồng một số tiền để ở lại buôn bán, nhưng bà không biết chính xác là bao nhiêu tiền. Khi Công an thu giữ bà mới biết số tiền thu giữ trong phòng ngủ là 6.200.000 đồng (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa bà mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho chồng bà và không có ý kiến yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị B trình bày: Bà là vợ của bị cáo Hoàng Văn P, bà không biết chồng sử dụng và mua bán ma túy. Khi cơ quan Cảnh sát điều tra khám xét và thu giữ xe máy Honda Wave, màu đen; 02 (Hai) điện thoại di động; Số tiền 3.150.000 đồng (Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Toàn bộ tài sản là của chồng bà, tại phiên tòa bà không có ý kiến và yêu cầu gì.

Trong quá trình điều tra những người làm chứng: Ông Lý Văn B1, ông Lãnh Văn T, ông Trương Thế C đều khai nhận được mua ma túy với bị cáo Hoàng Văn P. Cụ thể:

Ông Lý Văn B1 mua ma túy với P nhiều lần nhưng chỉ nhớ 02 (Hai) lần gần đây nhất là vào cuối tháng 5/2019, B1 gọi điện thoại cho P hỏi mua ma túy, P đồng ý và hẹn địa điểm mua bán tại Nhà văn hóa tổ dân phố C, thị trấn B. B1 mua 02 (Hai) gói, mỗi gói với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Ông Lãnh Văn T mua ma túy với P 02 (Hai) lần, lần thứ nhất vào tháng 5/2019 mua 01 (Một) gói với số tiền 420.000 đồng (Bốn trăm hai mươi nghìn đồng); Lần thứ hai vào tháng 6/2019 mua 01 (Một) gói với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). T gọi điện thoại cho P, P đồng ý bán ma túy cho T tại cổng bệnh viện đa khoa huyện B.

Ông Trương Thế C mua ma túy với P 01 (Một) lần 01 (Một) gói với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) vào tháng 5/2019. Hình thức gặp nhau trực tiếp, C hỏi mua ma túy và P đồng ý bán.

Trong quá trình điều tra những người làm chứng Ông Nông Văn Th, ông Nông Văn U, ông Tô Văn T1 đều khai nhận được mua ma túy với bị cáo Nguyễn Văn Q1. Cụ thể như sau:

Ông Nông Văn Th được mua ma túy với Q 03 (Ba) lần, mỗi lần 01 (Một) gói nhỏ, 02 (Hai) lần đầu Th mua mỗi gói với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), lần thứ ba do không đủ tiền nên Th chỉ trả 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng). Hình thức mua bán: Th gọi điện thoại cho Q hỏi mua ma túy, Q đồng ý bán và hẹn địa điểm mua bán.

Ông Nông Văn U mua ma túy với Q 03 (Ba) lần, mỗi lần 01 (Một) gói nhỏ, 02 (Hai) lần đầu U mua mỗi gói với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), lần thứ ba do thiếu tiền nên U trả 140.000 đồng (Một trăm bốn mươi nghìn đồng). U gọi điện thoại cho Q hỏi mua ma túy, Q đồng ý bán và hẹn địa điểm mua bán.

Ông Tô Văn T1 mua ma túy với Q 03 (Ba) lần, mỗi lần 01 (Một) gói nhỏ với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), nhưng hai lần đầu T1 mua nợ, do quen biết nên Q đồng ý bán nợ ma túy cho T1. T1 gọi điện thoại cho Q hỏi mua ma túy, Q đồng ý bán và hẹn địa điểm mua bán tại khu vực đường ngã ba chợ NP, xã L.

Đối với người đàn ông tên S3 mà bị cáo P khai mua ma túy về để sử dụng và bán kiếm lời bước đầu xác định bị cáo Q là S3, sau khi bị bắt vào nhà tạm giữ, P khai nhận Q không phải là S3, P chưa gặp Q lần nào. P chỉ biết người bán ma túy cho P tên là S3, làm nghề bán kem, S3 giới thiệu trú tại xã L, huyện BL, tỉnh C. Qua xác minh tại xã L không có người tên S3 làm ghề bán kem. Do vậy Cơ quan điều tra không thể truy xét được.

Đối với người đàn ông tên S4, nhà ở thành phố C, tỉnh C làm nghề lái xe tải và người đàn ông tên C1 nhà ở thị trấn B, huyện B, tỉnh C: Bị cáo P đều không nhớ đầy đủ họ, tên đệm, địa chỉ cụ thể và các thông tin khác về hai người này, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không tiến hành xác minh, làm rõ được.

Đối với người đàn ông tên D, khoảng 40 tuổi trú tại BĐ, thị trấn P, huyện BL, tỉnh C: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành xác minh tại xóm BĐ không có người nào có thông tin như trên.

Đối với Nông Lý Q1 qua giải thích Q1 khai nhận lại, Q1 chưa được mua ma túy của P lần nào, P và Q1 có quen biết nhau, có được cùng nhau sử dụng ma túy vài lần, nhưng P chưa bán ma túy cho Q1 lần nào. Lời khai của Q1 trước đây là do Q1 biết P có ma túy bán nên khai ra để mong hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với người đàn ông tên T3 ở xã T, huyện B, tỉnh C: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tiến hành xác minh được biết T3 có tên đầy đủ là Hoa Văn T3, sinh năm 1988, trú tại xóm P, xã T, huyện B, tỉnh C. Bản thân T3 có nhiều biểu hiện liên quan đến mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy nhưng quá trình xác minh Hoa Văn T3 không có mặt tại địa phương. T3 đi đâu, làm gì gia đình và chính quyền địa phương không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tách hồ sơ để có căn cứ, điều tra, làm rõ.

Đối với người đàn ông tên H, người ở tỉnh V bán ma túy cho Q, tạm trú tại thị trấn B, huyện Bảo Lạc, tỉnh C: Q không biết đầy đủ họ và tên đệm, địa chỉ cụ thể và các thông tin khác về H nên Cơ quan điều tra không tiến hành xác minh, truy xét được.

Đối với Lãnh Văn T, Lý Văn B1, Trương Thế C, Lục Minh Tr, Tô Văn T1, Nông Văn U, Nông Văn Th là những người mua ma túy với bị cáo Hoàng Văn P và bị cáo Nguyễn Văn Q với mục đích về sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện của bản thân. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền các đối tượng theo khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKSBL ngày 17/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh C đã truy tố bị cáo Hoàng Văn P và bị cáo Nguyễn Văn Q về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Hoàng Văn P và bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P từ 09 (Chín) đến 10 (Mười) năm tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 08 (Tám) đến 09 (Chín) năm tù.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 02 (Hai) phong bì ma túy có niêm phong thu giữ của bị cáo P và bị cáo Q; 01 (Một) ống cuộn tròn bằng vỏ sữa; 01 (Một) cân điện tử màu đen; 02 (Hai) chiếc giày vải.

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước: 03 (Ba) điện thoại di động, trong đó 02 (Hai) điện thoại thu giữ của Hoàng Văn P Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 3.020.000 đồng (Ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) do

bị cáo P bán ma túy mà có và 1.640.000 đồng (Một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) do bị cáo Q bán ma túy mà có.

Trả lại cho bị cáo P 130.000 đồng (Một trăm ba mươi nghìn đồng) và trả lại cho bị cáo Q 7.225.000 đồng (Bảy triệu hai trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Đối với xe máy thu giữ của bị cáo P và xe máy thu giữ của bị cáo Q đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho các bị cáo.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Hoàng Văn P và bị cáo Nguyễn Văn Q nhận thấy hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh C; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Hoàng Văn P và Nguyễn Văn Q thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy các bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo Hoàng Văn P đã bán ma túy cho Lý Văn B1 02 (Hai) lần, mỗi lần 01 (Một) gói nhỏ với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); Bán cho Lãnh Văn T 02 (Hai) lần, mỗi lần 01 (Một) gói nhỏ, một gói 420.000 đồng (Bốn trăm hai mươi nghìn đồng), 01 (Một) gói 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); Bán cho Trương Thế C 01 (Một) lần 01 (Một) gói với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Văn Q đã bán ma túy cho Nông Văn Th 03 (Ba) lần, mỗi lần 01 (Một) gói, 02 (Hai) lần đầu bán mỗi gói 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), lần thứ ba bán 01 (Một) gói với số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng); Bán cho Nông Văn U 03 (Ba) lần, mỗi lần 01 (Một) gói, 02 (Hai) lần đầu bán mỗi gói 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), lần thứ ba bán 01 (Một) gói với số tiền 140.000 đồng (Một trăm bốn mươi nghìn đồng); Bán cho Tô Văn T1 03 (Ba) lần, mỗi lần 01 (Một) gói nhỏ với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Khối lượng ma túy thu giữ của bị cáo Hoàng Văn P là 13,72g (Mười ba phẩy bảy hai gam); Khối lượng

ma túy thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Q là 6,83g (Sáu phẩy tám ba gam). Hành vi của các bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy.

Điều 251 Bộ luật hình sự 2015 quy định:

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma tuý, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm

b, Phạm tội 02 lần trở lên;

i, Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR - 11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam".

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Hoàng Văn P và bị cáo Nguyễn Văn Q về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân các bị cáo: Các bị cáo là người có nhận thức, có sức khỏe, được sống trong môi trường xã hội lành mạnh nhưng không tu dưỡng, rèn luyện đạo đức mà lại lệ thuộc vào ma túy. Các bị cáo đi mua ma túy để sử dụng cho bản thân và bán lại cho những người nghiện khác để kiếm lời. Bị cáo Hoàng Văn P có nhân thân xấu, có 01 (Một) tiền án đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Khi thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy các bị cáo biết là sai, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

- Đối với vật chứng là: 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi phần để lại vật chứng vụ Hoàng Văn P, mặt sau có đóng dấu giáp lai 4 góc phong bì và có chữ ký của người tham gia niêm phong; 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi phần để lại vật chứng vụ Nguyễn Văn Q, mặt sau có đóng dấu giáp lai 4 góc phong bì và có chữ ký của người tham gia niêm phong; 01 (Một) ống cuốn tròn bằng vỏ sữa; 01 (Một) Cân điện tử màu đen đã qua sử dụng, bên ngoài có chữ POCKETSCALE; 02 (Hai) chiếc giày vải. Hội đồng xét xử xét thấy đây là vật cấm lưu hành, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với vật chứng là: 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng mặt trước màu trắng IMED 99001117599175, số IMEI1: 868204031463531, điện thoại cũ, đã qua sử dụng; 01 (Một) điện thoại cảm ứng màu đỏ mặt sau có chữ VIVO, số IMEI1 1869064030250910, IMEI2 1869064030250902, cũ đã qua sử dụng; 01 (Một) điện thoại đi động bàn phím màu đen seri số: 357906049118463, điện thoại cũ, đã qua sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy những vật chứng này là công cụ phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền 3.150.000 đồng (Ba triệu một trăm mươi nghìn đồng) thu giữ của Hoàng Văn P: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ số tiền do bán ma túy mà có là 3.020.000 đồng (Ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Trả lại cho bị cáo 130.000 đồng (Một trăm ba mươi nghìn đồng) do không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Đối với số tiền 8.865.000 đồng (Tám triệu tám trăm sáu mươi năm nghìn đồng) thu giữ của Nguyễn Văn Q: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ số tiền bán ma túy mà có là 1.640.000 đồng (Một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Số tiền còn lại là 7.225.000 đồng (Bảy triệu hai trăm hai mươi năm nghìn đồng) không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo P xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen, không biển kiểm soát, số khung: KLHTK 391XKY161569, số máy: IA 39E - 1018951, xe cũ đã qua sử dụng (có chìa khóa xe) và 01 (Một) Giấy hợp đồng mua bán xe máy mang tên Phón Láo Tả (bản phô tô).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q: 01 (Một) xe máy nhãn hiệu SALUT, màu đen - đỏ, biển kiểm soát 88S4 - 6097, số khung RLGSA 10 BH7H 020819, số máy VMSA2B - H020819, xe cũ đã qua sử dụng (có chìa khóa xe) và 01 (Một) Giấy đăng ký môtô xe máy mang tên Hoàng Thị L.

Toàn bộ vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh C theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/9/2019.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 tuyên bố bị cáo Hoàng Văn P và bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 xử phạt bị cáo Hoàng Văn P 09 (Chín) năm tù, thời gian thụ hình tính từ ngày 12/6/2019.

Căn cứ vào điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 08 (Tám) năm tù, thời gian thụ hình tính từ ngày 12/6/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi phần để lại vật chứng vụ Hoàng Văn P, mặt sau có đóng dấu giáp lai 4 góc phong bì và có chữ ký của người tham gia niêm phong. 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi phần để lại vật chứng vụ Nguyễn Văn Q, mặt sau có đóng dấu giáp lai 4 góc phong bì và có chữ ký của người tham gia niêm phong. 01 (Một) ống cuốn tròn bằng vỏ sữa. 01 (Một) Cân điện tử màu đen đã qua sử dụng bên ngoài có chữ POCKETSCALE. 02 (Hai) chiếc giày vải.

- Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng mặt trước màu trắng IMED 99001117599175, số IMEI1: 868204031463531, điện thoại cũ, đã qua sử dụng; 01 (Một) điện thoại cảm ứng màu đỏ mặt sau có chữ VIVO, số IMEI1 1869064030250910, IMEI2 1869064030250902, cũ đã qua sử dụng; 01 (Một) điện thoại đi động bàn phím màu đen seri số: 357906049118463, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 3.020.000 đồng (Ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) thu giữ của Hoàng Văn P và 1.640.000 đồng (Một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) thu giữ của Nguyễn Văn Q.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn P: 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen, không biển kiểm soát, số khung: KLHTK 391XKY161569, số máy: IA 39E - 1018951, xe cũ đã qua sử dụng (có chìa khóa xe). 01 (Một) Giấy hợp đồng mua bán xe máy mang tên Phón Láo T2 (bản phô tô). Số tiền 130.000 đồng (Một trăm ba mươi nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q: 01 (Một) xe máy nhãn hiệu SALUT, màu đen - đỏ, biển kiểm soát 88S4 - 6097, số khung RLGSA 10 BH7H 020819, số máy VMSA2B - H020819, xe cũ đã qua sử dụng (có chìa khóa xe). 01 (Một) Giấy đăng ký môtô xe máy mang tên Hoàng Thị L. Số tiền 7.225.000 đồng (Bảy triệu hai trăm hai mươi năm nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Toàn bộ vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh C theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/9/2019.

3.Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Hoàng Văn P và bị cáo Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh; VKSND huyện;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện, Trại giam;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã P, huyện B, tỉnh H;
- UBND xã K, huyện VT, tỉnh V;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TÔ THỊ THÙY NGÂN